**Lễ hội Đền Và – “Đoài phương tĩnh nhất khu”**

1. **Truyền thuyết**

Đền Và thuộc thôn Vân Gia , phường Trung Hưng ,Thị xã Sơn Tây –Hà Nội, còn gọi là Đông Cung ( một trong số bốn cung thờ Thánh Tản-Sơn Tinh ).

Đền Và là trung tâm tín ngưỡng thờ thánh Tản Viên, vị thần đứng đầu trong Tứ Bất Tử , là người anh hùng văn hóa sáng tạo trong tư duy nông nghiệp,người anh hùng trị thủy,chống giặc, biểu tượng của khối đại đoàn kết dân tộc

Theo truyền thuyết đức Thánh Tản Viên sau khi giúp dân chống giặc ngoại xâm, khai sơn, trị thủy , vào một ngày xuân đẹp trời ngài từ núi Tản du ngoạn đến đồi Và, xã Trung Hưng ,thấy đây là một thắng địa, phong thủy hữa tình , hội tụ khí thiêng đất trời, ngài liền lập hành cung gọi là Đông Cung .

Lễ Hội Đền Và được mở vào các năm Tý , Mạo , Ngọ , Dậu , Xuân , Thu nhị kì . Mùa xuân có hội rước thánh vượt sông Hồng sang đền Ngự Giội .Hội mùa thu có tục đánh cá thờ trên sông Tích vào ngày rằm tháng 9. Các nghi thức này đều khởi nguồn từ truyền thuyết Thánh Tản

Truyền thuyết kể rằng thuở ấy khi vua Hùng nghe lời Sơn Tinh trao ngôi vua cho Thục Phán , đất nước trở lại cảnh thanh bình . Sơn Tinh cùng Mị Châu về sống trên núi Ba Vì. Ngài thường du ngoạn bốn phương ,hỏi thăm dân tình .Một lần ngài nhằm hướng mặt trời mọc đi đến quả đồi thấp ven dòng sông Tích . Thấy đây là nơi thắng địa ngài dừng chân nghỉ ngơi vừa lúc trên mặt trời xuất hiện đám mây ngũ sắc từ phía núi Ba Vì bay tới kịp che mát một vùng .Ngài cho đó là điềm lành ,bèn cho lập tại chỗ hành cung. Và nơi ấy nay chính là Đền Và

Dân sở tại Đền Và ,dựa vào sự tích đám mây lành (chữ hán là Vân già )xuất hiện trên bầu trời quê mình mà đặt tên làng là làng Vân Gia )từ đó dân thôn làm ăn phát đạt càng chăm sóc việc hương khói thờ phụng Thánh Tản

Thánh Tản tắm gội bên sông Hồng : Từ khi có hành cung ở Đền VÀ , Thánh Tản thường lui tới vùng đất bên kia sông Hồng . Một lần trên đường trở về Đền Và, ngài dừng chân nghỉ tại một xóm nhỏ ven sông .Tuy đang tiết xuân mát mẻ nhưng vì đi đường xa gió bụi , nên ngài muốn tìm nước để tắm giội đôi chút . Nhìn quanh đấy thấy một cô gái gánh sọt đi cắt cỏ , ngài đến bên đấy lựa lời chào hỏi rồi ngỏ ý nhờ cô gánh cho một gánh nước sông Hồng . Cô gái tưởng chàng trai đùa giỡn nên cười ngặt nghẽo . NHưng trước vẻ chân thực của chàng trai cô rất ngạc nhiên rồi chối từ vì sọt của cô chỉ đựng được cỏ , làm sao đựng được nước . Ngài cười bảo cô cứ giúp thử xem sao quả nhiên đôi sọt đựng được nước thật

Trong khi ngài thỏa thuê tắm giội thì cô gái chạy về báo với dân làng có chuyện lạ đời . Khi mọi người kéo đến nơi thì người tắm đã đi mất ,xung quanh còn phảng phất hương trầm . Lúc ấy dân làng mới bừng tỉnh , nhận ra là chính đức Thánh Tản vừa mới qua đây

Lại nghe nói khi mới gặp cô gái , nhân chuyện cắt cỏ , Ngài còn bày cho cô cách làm liềm thay cho con dao cô vẫn dùng để cắt được dễ hơn nhanh hơn

Ghi nhớ dấu tích và công đức của ngài , dân làng Di Bình xã Vĩnh Ninh ,Huện Vĩnh Tường ,tỉnh Vĩnh Phúc đã dựng ngôi đền là Đền Ngự Giội , ý muốn nhắc việc ngài đã đến ngự và tắm giội ở đó trước khi về Đền Và .

1. Kiến trúc

Đền Và nằm giữa đồi Và, có diện tích khoảng 17.500m2, xung quanh có nhiều cây lim cổ thụ. Theo thuyết phong  thủy, khu đồi có hình dáng con rùa (Kim Quy) đang bơi về phía mặt trời mọc.   
   
Khu vực kiến trúc của đền rộng khoảng 2.000m2, được bao quanh bằng tường đá ong cao 2m15. Tường được xây hai lớp, theo cách thức thượng thu hạ thách, chính giữ lèn đất. Kiến trúc của đền có hai dãy nhà 5 gian, thông gian giữa bằng “ống muống” tạo thành hình chữ “công’ theo kiểu “nội công ngoại quốc”, các đầu đao cong mềm mại.  
   
Nghi môn - cổng chính của đền, hướng về núi Tản Viên (Ba Vì) gồm ba gian dựng trên nền cao, gian giữa cao 4m80, hai gian bên cao 2m15. Nghi môn có ba hàng cột gỗ đặt trên tảng kê bằng đá ong (cột cái cao 4m95, cột quân 3m80). Đây là một nghi môn khá hiếm gặp trong kiến trúc truyền thống Việt Nam. Tiếp đến là gác trống, gác chuông được dựng hai bên và ngay sát nghi môn và kiến trúc tương tự nhau với kiểu chồng diêm 8 mái.  
   
Nhà tiền tế và hậu cung: nhà tiền tế hình chữ "nhất", kiến trúc theo lối 5 gian 2 chái chồng rường, giá chiêng; hệ thống cột cái, cột quân bào nhẵn kiểu "thượng thu hạ thách" đặt lên tảng kê chân cột bằng đá. Trên cột là một hệ thống hoành phi, câu đối cổ được chạm khắc tinh xảo. Hậu cung hình chữ "công", tòa ngoài kết cấu 3 gian 2 chái lớn (dài 14m10, rộng 8m90).  
   
Hậu cung đặt một khám thờ cao hơn 3m sơn son thếp vàng được chạm trổ cầu kỳ mang phong cách nghệ thuật thế kỷ XVII. Trong cùng là bài vị của Đức Quốc Mẫu (bà Đinh Thị Điên, thân mẫu đức Thánh Tản Viên mà dân gian gọi chệch đi là Bà Đen).  
   
Tiếp đến là 3 bài vị của Tam vị Đức Thánh Tản (gồm đức Thánh Tản Viên và hai người em con chú là Thánh Cao Sơn và Thánh Quý Minh). Trước khám thờ có hương án bày long ngai bài vị của ba vị, phía trên khám treo bức đại tự "Thượng đẳng tối linh thần" niên đại Tự Đức Quý Mùi (năm 1883).  
   
Toà ngoài của hậu cung có 4 pho tượng kích thước như người thật đứng nhìn vào nhau, tay cầm vũ khí và khoác áo bào đỏ gọi là "Tứ Thánh" trấn ở bốn cung quanh núi Ba Vì. Ngoài hiên nhà có hai pho tượng quan văn, quan võ ngồi hướng vào nhau.  
   
Đền Và đang lưu giữ 5 bản thần tích "Tản Viên Sơn Thánh"; 18 đạo “sắc phong” của các đời vua, trong đó có 17 bản chính có dấu ấn; 47 đôi câu đối được chạm khắc, viết trên vách cột, trên gỗ và 18 bức hoành phi viết trên gỗ hoặc đá.   
   
Nơi đây còn có 2 bia đá, 3 chuông đồng, 4 tấm biển gỗ. Trên những hiện vật đó khắc ghi thời gian xây dựng, tu sửa, ca ngợi cảnh quan, uy linh của đức Thánh Tản Viên với nhiều nét trang trí có giá trị mỹ thuật cao vừa thể hiện nét văn hóa tâm linh.  
   
3. Ý nghĩa

**Đền Và** là nơi thờ Tam vị đức thánh Tản, sắc phong Tam vị Quốc chúa thượng đẳng thần, là Đệ nhất phúc thần Tản Viên, hay còn gọi là Nam thiên thần tổ – vị tổ của bách thần ở phương Nam – cũng là vị thần đứng đầu Tứ bất tử (tức Sơn Tinh, tức Tản Viên Sơn thánh) và hai người em thúc bá là Cao Sơn (Sùng công) và Quý Minh (Hiển công).

Trong tâm thức người Việt (nói chung) và người xứ Đoài (nói riêng), tam vị đức thánh Tản là biểu tượng tối cao của ba đỉnh non Tản; Là những vị thần bảo trợ cho nông nghiệp và nghề đánh bắt thuỷ sản, những anh hùng trị thuỷ, biểu tượng của khối đoàn kết bộ tộc và tinh thần chống giặc ngoại xâm trong cuộc chiến tranh Hùng – Thục.

Tọa lạc trên một quả đồi rộng và thấp, thâm u bóng lim cổ thụ, bao quanh là những bức tường xây bằng đá o­ng, đền Và có tổng diện tích khoảng trên dưới 2.000m2. Theo thuyết phong thuỷ, đồi có thế đất hình con rùa (Kim Quy) đang bơi về phía mặt trời mọc. Nổi lên giữa cánh đồng có tên là đồng Khói Nhang, đền được xây dựng trên lưng rùa, hướng về phía đầu rùa, nhìn ra con đầm có tên là đầm Vân Mộng. Khu vực bên ngoài là dinh thờ Ngũ hổ, động Sơn Trang thờ Mẫu Thượng Ngàn và giếng Cô Tiên.

Tam quan (hay còn gọi là Nghi môn) đền nổi lên bên tán đại già có đến vài trăm năm tuổi, hướng về phía núi Tản Viên. Qua Tam quan, vào khu vực Ngoại cung là một khoảng sân rộng, lát gạch, bên trái có gác chiêng, bên phải có gác trống, được kiến trúc theo kiểu chồng diêm tám mái. Kế đến là nhà tiền tế (được gọi là đền Hạ) với hai dãy tả, hữu mạc hai bên, thuộc khu vực Nội cung.

Theo nội dung tấm bia Vân Già đông trấn cung ký dựng ở đầu hồi nhà tiền tế, năm Tự Đức thứ 36 – năm tổ chức đợt trùng tu đền lớn nhất với tiền cung tiến của dân sở tại, các quan chức hàng huyện, hàng tỉnh, các nhà buôn và khách thập phương – thì đền Và đã có từ thời nước ta còn bị nhà Đường đô hộ nhưng quy mô nhỏ và do sự khắc nghiệt của mưa nắng cũng như thời gian, đền đã qua tu tạo, sửa chữa nhiều lần.

Hiện nay, nhà tiền tế có kiến trúc hình chữ Nhất (-). Đó là một ngôi nhà năm gian, để trống bốn bề, treo rất nhiều hoành phi, câu đối, trong đó đáng chú ý có bức hoành phi bằng đá với bốn chữ: Sơn dữ thiên tề (núi cao ngang trời). Thông với nhà tiền tế (đền Hạ) là gian ngoài của hậu cung (đền Trung).

Tại đây, có hai pho tượng: Một văn, một võ (văn võ lưỡng ban) trong tư thế ngồi, quay mặt vào nhau và bốn pho tượng Tứ trấn kích cỡ tương đương người thật, mỗi bên hai vị, đứng đối diện nhau, mặc áo bào đỏ, tay cầm vũ khí – là bốn vị trấn ở bốn cung của Tam vị đức thánh Tản.

Qua đền Trung đến gian trong của hậu cung (đền Thượng). Ngay ở vị trí trang trọng của thượng cung là bức đại tự với dòng chữ: Thượng đẳng tối linh có niên đại cùng với niên đại của tấm bia dựng ở đầu hồi nhà tiền tế, đồng thời cũng là năm đền được trùng tu với quy mô lớn nhất là năm Tự Đức – Quý Mùi (1883). Phía trong cùng của hậu cung- theo thứ tự từ trong ra- là một chiếc khám lớn sơn son thếp vàng, cao trên ba mét, trong đặt bài vị đức Quốc mẫu là bà Đinh Thị Điên (tục gọi là bà Đen), mẹ của Đức thánh Tản.

Phía trước bài vị đức Quốc mẫu là bài vị Tam vị đức thánh Tản: Ở bên tả và ở vị trí cao nhất là Tản Viên, kế đến Cao Sơn (còn gọi là Sùng Công) và cuối cùng là Quý Minh (Hiển Công). Trước khám thờ là hương án, trên có ba cỗ long ngai của Tam vị đức thánh Tản. Khác với cách sắp xếp bài vị, ở đây cỗ long ngai của Tản Viên ở giữa.

Nhân đây, cũng cần nói thêm về dòng chữ Khải Định Kỷ Mùi khắc ở một cột cái của hậu cung và dòng chữ Duy Tân cửu niên khắc ở hai cột con (bên trái) của hậu cung. Căn cứ vào đó, có ý kiến cho rằng phần hậu cung hiện nay được làm vào năm 1915 (Duy Tân cửu niên) đến năm 1919 (Khải Định Kỷ Mùi)- 5 năm. Song chúng tôi ngờ rằng đó là năm những chiếc cột trên được thay thế, bởi năm khởi công và năm hoàn thành một hạng mục quan trọng như hậu cung, không lẽ chỉ đơn giản là những dòng chữ trên được khắc vào cột .

Hiện ở đền Và còn lưu giữ được nhiều hiện vật có giá trị như: Sắc phong của các triều đại, các đồ tế tự (trong đó có hai cây đèn đá thời Lê) và đặc biệt là những tấm ván gỗ khắc văn thơ của các danh sĩ như: Nguyễn Khản, Nguyễn Thiện Kế, Trần Lê Nhân… khiến cho không gian thiêng và không gian văn hóa ở đây hòa quyện vào nhau, mang đậm bản sắc văn hóa xứ Đoài.

Xuân Thu nhị kỳ, lễ hội đền Và được tổ chức một năm hai lần vào các ngày từ 13 đến 15 tháng Giêng và từ 14 đến 15 tháng Chín (âm lịch). Lại định ba năm một lần, vào các năm: Tí, Ngọ, Mão, Dậu, tổ chức đại hội.

Lễ hội Rằm tháng Giêng ở đền Và là lễ hội của một vùng. Những năm đại hội có sự tham gia của tám làng thuộc ba huyện của hai tỉnh là các làng: Vân Gia, Thanh Trì, Nghĩa Phủ, Mai Trai, Đạm Trai (thuộc xã Trung Hưng huyện Tùng Thiện, tỉnh Sơn Tây; nay thuộc thị xã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây), Phù Sa, Phú Nhi (trước kia là Bần Nhi, thuộc tổng Cam Giá Thịnh, huyện Phúc Lộc, tỉnh Sơn Tây; nay thuộc xã Viên Sơn, thị sã Sơn Tây, tỉnh Hà Tây) và Di Bình (thuộc xã Vĩnh Ninh, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc).

Bắt đầu từ sáng ngày 13 tháng Giêng, mọi công việc chuẩn bị cho lễ hội như trang hoàng, bày biện ở trong và quanh khu vực đền đã được làng Vân Gia sở tại hoàn tất. Buổi chiều, các thôn cho người rước kiệu và lễ vật của thôn mình về tập trung trước sân đền. Sang giờ Tí ngày 14, tám thôn tổ chức tế phụng nghênh.

Đội hình ban tế gồm 16 cụ: Một chủ tế, 2 bồi tế, 1 đông xướng, 1 tây xướng, 1 cờ, 1 trống khẩu, 1 dẫn chúc, 1 đọc chúc và 7 người tiến lễ do các thôn cử ra; song theo quy định, ghế chủ tế phải thuộc về Vân Gia; 2 bồi tế thì một là Phù Sa, một là Di Bình. Sở dĩ có sự đặc cách ấy (và những quyền lợi khác, đặc biệt là với 2 thôn Vân Gia và Phù Sa, sẽ nói sau 2 thonh boheo quy d ) theo các cụ ở đây là bởi những lý do sau:

Đền nằm trên đất Vân Gia. Là dân sở tại, thôn Vân Gia phải có trách nhiệm lo cắt cử người trông nom, quét dọn và đèn hương hàng ngày ở đền cũng như trong những dịp lễ hội, nên việc dành cho Vân Gia một số quyền lợi là lẽ đương nhiên. Sau đó là Phù Sa, vì thôn này có công lớn trong việc công đức làm nhà tiền tế và là thôn có phần đất mà muốn sang đền Dội (ở thôn Di Bình bên kia sông) bắt buộc đoàn rước phải đi qua.

Kém Vân Gia và Phù Sa nhưng hơn các thôn khác là cũng được hưởng ít nhiều quyền lợi là Di Bình: Thứ nhất, đền Dội thuộc địa phận Di Bình; thứ hai, Di Bình là thôn đảm nhận việc ra sông Hồng lấy nước về bao sái tượng thánh hàng năm. Những năm đại hội rước về nhà Dội; những năm không phải đại hội, rước sang đền Và.

Sau tuần tế phụng nghênh, long ngai bài vị của tam vị đức thánh Tản được phù giá ra kiệu chính để rước sang đền Dội, bên kia sông. Dân đinh làng Phú Nhi dẫn đầu có nhiệm vụ dẹp đám (không tham gia cầm các đồ tế tự). Tiếp đến là các chân cờ ngũ phương. Rồi hiệu chiêng, hiệu trống; nhóm vác đồ lỗ bộ; các chân cờ hội, cờ hàng giáp; phường bát âm; đội múa bồng; kiệu long đình (rước đồ lễ); ban nhạc sênh tiền; nhóm vác biển: Tĩnh túc- Hồi tị ; nhóm vác đồ chấp kích; đội nhạc lễ với kèn, sáo, thanh la, trống bản, nạo, bạt.

Kế đến là kiệu chính (rước long ngai bài vị) do 24 trai đinh của làng Vân Gia và 8 trai đinh của làng Phù Sa đảm nhiệm (16 người khiêng, 16 người hộ giá thay đổi. Dân Vân Gia được ba góc: 24 người, dân Phù Sa được một góc: 8 người); ngoài ra, còn có 4 đô tì vác quạt che trước sau hai bên kiệu và hai đô tì cầm tàn. Sau kiệu chính đến kiệu rước văn (trong để văn tế và thần tích) do dân làng Vân Gia phù giá và kiệu lòng mũ của các thánh do dân làng Phù Sa đảm nhiệm, mỗi kiệu 16 người (8 người khiêng, 8 người hộ giá thay đổi). Theo sau kiệu lòng mũ là ban tế, kiệu lễ của các thôn và cuối cùng là quan khách, các vị chức sắc, dân làng và khách hành hương về dự hội.

Xuất phát từ đền Và vào khoảng 2- 3 giờ sáng, dưới ánh sáng của những cây đình liệu và những bó thông hồng, đám rước đi qua cầu Cộng vào thị xã Sơn Tây. Những gia đình trên đường đám rước đi qua vaangkhachkie đều mang lễ vật bày trước cửa nhà, dọc theo hai bên đường để cầu phúc doca le , gọi là lễ cung đốn. Đến cổng thành Sơn Tây, các cỗ kiệu quay một vòng rồi rước qua làng Phù Sa, Phú Nhi ra bến sông.

Tại đây, những chiếc thuyền đinh đã được dân vạn chài là làng Phú Nhi dùng xích sắt ghép lại với nhau, trên lát ván gỗ, hoặc bương, vầu phẳng phiu thành một chiếc phao lớn. Khi đám rước qua sông, thuyền bè từ các nơi kéo về phù giá, giúp chuyên chở người hành lễ và khách thập phương đông như mắc cửi. Tiếng mái chèo khua nước, tiếng reo hò, hoà với tiếng trống, tiếng chiêng,… náo động cả một vùng sông nước.

Đặc biệt ngày này, những người chở đò đưa khách thập phương qua sông là để làm phúc chứ không lấy tiền, bởi theo quan niệm của họ, làm được nhiều điều phúc trong ngày này sẽ được tam vị đức thánh Tản ban lộc cho cả năm. Sang đến bờ bên kia, đám rước tiếp tục cử hành đến trước cửa đền Dội (hay nhà Dội, nôm na là nơi để đức thánh đến tắm) thì dừng lại. Trước đó, dân làng Di Bình đã tổ chức cho người ra sông Hồng để rước nước về. Long ngai bài vị của tam vị đức thánh Tản được rước vào đền để làm lễ bao sái, sau đó là lễ yên vị và tế. Sau ba tuần tế, mọi người vui chơi tại đây cho đến khi thấy trời đổi gió Bắc, đuôi lá cờ đại phất về phía Nam (bên kia bờ) mới tổ chức tế triệu hồi, rước kiệu thánh trở lại đền Và. Cũng như lúc đi, dân hai bên đường nơi đám rước đi qua lại mang lễ vật bày biện trước cửa nhà để mừng đón đức thánh du xuân trở về…

Nếu như hai ngày 13 và 14, về nghi thức chủ yếu là dành cho lễ, thì ngày 15, ngoài việc đón khách thập phương đến lễ, còn lại chủ yếu là dành cho hội. Ngày này, trong số các trò chơi dân gian được tổ chức, đáng chú ý có trò vật chầu bóng thánh và sau đó là vật giải để cho các đô vật xứ Đoài- nơi nổi tiếng là có nhiều lò vật nhất trong cả nước- đua tài, đua sức và thể hiện tinh thần thượng võ của mình.

Khác với lễ hội Rằm tháng Giêng, lễ hội Rằm tháng Chín ở đền Và chỉ có năm thôn của xã Trung Hưng là: Vân Gia, Nghĩa Phủ, Thanh Trì, Mai Trai và Đạm Trai tham gia. Từ ngày 14, dân các thôn trên mang theo những dụng cụ đánh bắt cá ra sông Tích, đoạn từ cầu Vang (thuộc xã Đường Lâm) đến Mả Mang (thuộc xã Trung Hưng), tổ chức đánh bắt cá tập thể để làm tiệc tế thánh. Quy định: Đánh được cá trắng và là cá to thì nộp cho làng, còn cá đen hoặc cá nhỏ thì lấy. Lại quy định số cá làm tiệc tế thánh phải đủ 99 con; vì vậy, thời gian không kể lâu mau, khi nào đủ số, cuộc đánh bắt mới dừng lại. Theo quan niệm của người dân ở đây, những ai có cá trong số 99 con được chọn để tế thánh là người trong năm làm ăn sẽ gặp nhiều may mắn. Do đó ai cũng mong có cá để góp cho làng và lễ hội Rằm tháng Chín còn được gọi là lễ hội Đả ngư.

Tiệc cá để tế thánh bao gồm các món: Luộc, nướng, nham, gỏi và được bày làm mười mâm, một mâm cúng ông Táo, còn chín mâm chia làm ba, bày trước ba ngai Tam vị đức thánh Tản. Một miếng lộc thánh bằng một gánh lộc trần, sau khi tế xong, mọi người lại cùng nhau vui vẻ thụ lộc. Đặc biệt, trong ngày này cỗ cúng ở đây không có muối và sau khi thụ lộc xong, có tục ăn trầu không có vôi, nên mới có câu: Hội đền Và trầu không vôi, xôi không muối.

Như vậy, có thể thấy sự thờ phụng ở đền Và cũng như các nghi thức trong lễ hội của nó là sự ảnh xạ đậm đặc đời sống sinh hoạt của người Việt cổ. Nếu như tục trầu ăn không có vôi đã chứng tỏ từ rất sớm việc ăn trầu đã được người Việt biết đến như là một bài thuốc giúp tăng sự đề kháng cơ thể, nhất là trong khi đời sống còn lạc hậu và thấp, thì tục làm cỗ nhạt (không có muối) có nguồn gốc từ tục cúng thổ thần ngay nơi săn hoặc bẫy được con mồi.

Rồi tục thờ đá (tam vị đức thánh Tản vốn là những thần Núi được nhân hoá), chế độ mẫu quyền trong việc thờ mẹ (bà Đen) mà không thờ cha (ông Hành); quan hệ sản xuất nguyên thủy (cùng làm, cùng hưởng) ở lễ hội Đả ngư; rồi việc sử dụng gừng, nghệ, vừng, hoa chuối, chanh quả, mật mía vào các món luộc, nướng, nham, gỏi trong tiệc cá tế thánh; việc thờ cúng những công cụ sản xuất phục vụ cho nông nghiệp ở đền Dội; rồi việc đoán biết đượchướng gió như là một quy luật trong ngày lễ rước nước… đã khiến đền Và được coi như là một “bảo tồn, bảo tàng” sống về khảo cổ học, xã hội học và dân tộc học của xứ Đoài. Do đó, không phải ngẫu nhiên đền Và còn được gắn với danh hiệu mà người xứ Đoài rất tự hào mỗi khi nhắc đến, đó là: “Đoài phương tĩnh nhất khu”./.